

Số: 665/TTr-TTYT

Phước Long, ngày 28 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Xin phê duyệt kinh phí mua thuốc, vật tư y tế tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ điều trị người bệnh mắc covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long đợt 1”

Kính gửi: - Sở Y tế tỉnh Bình Phước

Thực hiện theo kế hoạch 277/KH-UBND ngày 25/08/2021 của UBND tỉnh Bình Phước “V/v Thành lập Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long”. Trung tâm y tế đã và đang triển khai công tác sắp xếp kiện toàn các khoa phòng, các bộ phận phục vụ bệnh viện dã chiến. Tuy nhiên bệnh viện dã chiến chưa có thuốc, vật tư y tế tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ cho công tác điều trị người nhiễm Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long. Trung tâm y tế kính trình sở Y tế tỉnh Bình Phước xem xét phê duyệt kinh phí hoặc cấp thuốc, vật tư y tế tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ cho công tác điều trị người nhiễm Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long với nội dung như sau:

STT	Diễn giải	Số tiền (vnd)	Ghi chú
1	Thuốc, vật tư tiêu hao thiết yếu (phụ lục 1)	261.384.972	
2	Phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu (Phụ lục 2)	291.016.300	
Tổng cộng		552.401.272	

Bằng chữ: (Năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng).

Trung tâm y tế thị xã Phước Long kính đề nghị sở Y tế tỉnh Bình Phước xem xét giúp đỡ.

Trân trọng cảm ơn!

Gửi kèm kế hoạch, phụ lục 1, 2.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP



BSCK II
Lê Thanh Long

Đã Thanh Long
BCK N



Số: /KH - KD

Phước Long, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

**Cung ứng thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân
thiết yếu phục vụ công tác điều trị người bệnh Covid-19 tại
Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long
Đợt 1**

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Covid-19 do chủng virus Corona mới (SARS-CoV-2);

Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-BYT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của các khu vực điều trị người bệnh Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-BYT ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu của 01 khu vực điều trị cách ly người bệnh Covid-19;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về kế hoạch thành lập bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long;

Căn cứ diễn biến thực tế của dịch Covid-19 ở thời điểm hiện tại;

Khoa Dược-TTB-VTYT xây dựng kế hoạch **Cung ứng thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị người bệnh Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (Đợt 1)**, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. **Cung ứng thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu cho công tác điều trị bệnh nhân Covid-19:**

- Căn cứ yêu cầu cung ứng các thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị bệnh nhân Covid-19, Khoa Dược đề nghị được mua các thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân, cụ thể như sau:

+ *Phụ lục 1: dự kiến kinh phí mua thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (đợt 1).*

+ *Phụ lục 2: dự kiến kinh phí phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (đợt 1).*

2. Phạm vi, thời gian, hình thức triển khai

2.1. Phạm vi triển khai

- Cung ứng cho bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long trong công tác điều trị cho bệnh nhân Covid-19 (gồm bệnh viêm đường hô hấp do SARS-CoV-2 và bệnh nền).

2.2. Thời gian thực hiện

- Từ ngày 05/10/2021- 20/10/2021

2.3. Hình thức triển khai

- Gọi hàng ngay khi có nhu cầu tùy theo diễn biến của dịch tại địa phương.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Khoa Dược-VTTYT và Khoa KSDB

- Báo cáo nhập xuất tồn các thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu điều trị cho bệnh nhân Covid-19.

- Lập kế hoạch cung ứng các thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu điều trị Covid-19 theo thời gian đã dự định như kế hoạch.

- Đề nghị họp Hội đồng khoa học và kỹ thuật thông qua nội dung trong kế hoạch.

- Gọi hàng và nhập kho sau khi đã có hợp đồng mua sắm.

2. Phòng Tài chính-Kế toán:

- Làm tờ trình dự toán kinh phí theo kế hoạch mua sắm tại đơn vị.

- Trình Ủy ban nhân dân thị xã xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Tiến hành thương thảo và làm hợp đồng mua sắm.

- Xác định khối lượng công việc hoàn thành theo mẫu 08A theo Nghị định số

11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

- Kiểm tra hồ sơ, thanh toán và thanh lý hợp đồng.

Trên đây là kế hoạch Cung ứng thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị người bệnh Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (Đợt 1).

Nơi nhận:

- Giám đốc;
- Phòng TC-KT;
- Lưu VT, KD.



BSCK II
Lê Thanh Long





ĐƠN KINH DOANH
L. 6. Hạng Long



Số: /TTYT-KD

Phước Long, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

(V/v dự kiến thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến-đợt 1)

Hôm nay, lúc 14 giờ 00 ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại TTYT Thị xã Phước Long tiến hành họp Hội đồng Khoa học và Kỹ thuật.

I. Thành phần tham dự:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - BSCKII. Lê Thanh Long | Chủ tịch hội đồng |
| - BSCKI. Nguyễn Ngọc Phương | Phó chủ tịch hội đồng |
| - DS Đỗ Quang Trung | Trưởng Khoa Dược |

Và các thành viên trong Hội đồng Khoa học và Kỹ thuật.

II. Nội dung cuộc họp:

Thông qua Danh mục thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân dự kiến mua phục vụ công tác điều trị cho bệnh nhân Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long đợt 1, cụ thể như sau:

+ Phụ lục 1: dự kiến kinh phí mua thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (đợt 1).

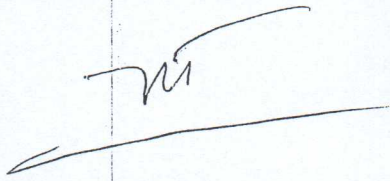
+ Phụ lục 2: dự kiến kinh phí phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (đợt 1)

III. Kết luận:

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hội đồng khoa học và kỹ thuật thống nhất với danh mục thuốc, vật tư tiêu hao và phương tiện phòng hộ cá nhân dự kiến mua để phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến.

Cuộc họp kết thúc lúc 14h30 cùng ngày.

Người trích biên bản


Nguyễn Thị Nghi Trung

Chủ tịch hội đồng




BSCK II
Lê Thanh Long

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ



ĐỀ NGHỊ

Phụ lục 2

Dự kiến kinh phí mua phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (Đợt 1: 10 ca)

(Theo quyết định 1259/QĐ-BYT ngày 20/3/2020 của Bộ Y tế)

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Nhu cầu	Số lượng			Đơn giá dự kiến (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Đã có		Đề nghị mua bổ sung			
				Nhận, cho tặng	Đã mua				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(5)-(6)	(8)	(9)=(8)*(4)	(10)
1	Găng khám rửa bằng cao su, dùng nhiều lần	đôi	11			11	25,000	275,000	
2	Găng khám bệnh, dùng 01 lần.	đôi	2205		1000	1205	3,380	4,072,900	
3	Găng tay vô khuẩn	đôi	420			420	4,880	2,049,600	
4	Găng tay dài	đôi	6			6	26,500	159,000	
5	Bộ trang phục phòng chống dịch dùng 01 lần, bảo vệ toàn thân.	bộ	2066	110	200	1756	131,300	230,562,800	
6	Khẩu trang y tế	cái	6300		2500	3800	620	2,356,000	
7	Bao giấy phòng mổ, dùng 1 lần.	đôi	2066		50	2016	3,500	7,056,000	
8	Khẩu trang N95 hoặc tương đương;	chiếc	2066	2066		0	34,000	-	
9	Băng có đánh dấu màu trắng/cam dùng để chỉ căn quang, cuộn dài 500m	cuộn	5			5	80,000	400,000	cuộn 50m
10	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn	chai (500 ml có vòi bơm)	200			200	65,000	13,000,000	
11	Khăn lau khử khuẩn bề mặt máy thở, monitor...	hộp (80 cái)	80		1	79	350,000	27,650,000	
12	Túi đựng rác thải nguy hại	Cái	400			400	1,400	560,000	
13	Chlorhexidine 0,12% xúc miệng cho nhân viên y tế	Chai 200 ml	60			60	52,500	3,150,000	
14	Túi đựng tử thi	chiếc	5		5	0	340,000	-	
TỔNG CỘNG								291,016,300	

NGƯỜI LẬP BẢNG

DS: Nguyễn Thị Ngọc Trung

Phước Long, ngày tháng năm 2021



BSCK II
Lê Thanh Long

Phụ lục 1

Dự kiến kinh phí mua thuốc, vật tư tiêu hao thiết yếu phục vụ công tác điều trị Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến khu vực thị xã Phước Long (Đợt 1)

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
	(1)	(2)					(3)	(4)	Nhu cầu	Đã có				
							(5)	(6)		(7)	(8)=(5)-(6)-(7)			
1. DANH MỤC NHU CẦU VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU														
I	Vật tư lấy mẫu xét nghiệm PCR 500 mẫu đơn													
1	2	2	Môi trường vận chuyển bệnh phẩm		Ông	81000	525				525	40,250	21,131,250	
2			Khẩu trang N95		Chiếc		37.5				37.5	34,000	1,275,000	
3			Khẩu trang y tế		Chiếc		50				50	620	31,000	
4			Tăm che mắt		Chiếc		37.5				37.5	18,000	675,000	
5			Găng tay không bột các cỡ		Đôi		562.5				562.5	3,500	1,968,750	
6			Bộ quần áo phòng hộ		Bộ		37.5				37.5	131,300	4,923,750	
7	3	3	Que lấy dịch ty hầu		Chiếc	90000	525				525	4,300	2,257,500	
8	3	3	Que lấy dịch họng		Chiếc		525				525	4,500	2,362,500	
9			Que đê lưỡi		Chiếc		525				525	223	117,075	
10	1	1	Hộp lạnh bảo quản và vận chuyển mẫu		Chiếc	90	1				1	1,300,000	1,300,000	
11			Dung dịch sát khuẩn tay		ml		4000				4000	147	588,000	
12			Vật tư tiêu hao										1,500,000	
II - Vật tư tiêu hao, hóa chất dùng trong xét nghiệm và điều trị F0														
1	9	14	Tăm che mika đặt NKQ		Tăm	90	4				4	30,000	120,000	
2	17	20	Lưỡi đèn đặt NKQ		Bộ	9	4				4	1,000,000	4,000,000	3 cỡ
3	5	5	Dây thở oxy		Dây	27	60				60	6,000	360,000	
4			Que test đường huyết		que		400				400	7,200	2,880,000	
5			Phim lazer Fuji cỡ 8 x10 inch (cỡ 20 x 25 cm)		Tăm		150				150	16,000	2,400,000	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng				Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú			
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung						
								Nhận, cho	Đã mua							
(1)						(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)
6			Sylanh bơm tiêm điện		Cái		50			50			23,650	1,182,500		
7			Bơm tiêm 10		Cái		600			600			1,450	870,000		
8			Bơm tiêm 5		Cái		600			600			863	517,800		
9			Chỉ nilon 2/0		Typ		10			10			20,700	207,000		
10			Chỉ nilon 3/0		Typ		10			10			18,300	183,000		
11			Chỉ xoa 2/0		Typ		10			10			30,000	300,000		
12			Chỉ xoa 3/0		Typ		10			10			26,500	265,000		
13			Chỉ xoa 4/0		Typ		10			10			26,500	265,000		
14			Dây truyền		Dây		200			200			5,500	1,100,000		
15			Kim rút thuốc		Cái		600			600			405	243,000		
16			Lancet		Hộp		3			3			28,000	84,000		
17			Mask oxy có túi		Bộ		60			60			40,000	2,400,000		
18			Anti-A Monoclonal Reagent (Định tính nhóm máu)		Lọ		1			1			189,000	189,000		
19			Anti-AB Monoclonal Reagent (Định tính nhóm máu)		Lọ		1			1			189,000	189,000		
20			Anti-B Monoclonal Reagent (Định tính nhóm máu)		Lọ		1			1			189,000	189,000		
21			Anti-D IgG/IgM Blend Reagent (Định tính nhóm máu)		Lọ		1			1			375,000	375,000		
22			CRP (định tính)		Hộp		1			1			1,050,000	1,050,000		
23			Dung dịch phá hồng cầu Neo - Lyser WH		Chai		1			1			1,470,000	1,470,000		
24			Dung dịch pha loãng Neo - Diluent ST		Thùng		1			1			1,470,000	1,470,000		
25			GLU 500		Hộp		1			1			840,000	840,000		

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng				Đơn giá dự kiến (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
(1)			(2)		(3)	(4)	(5)	Đã có		Đề nghị mua bổ sung	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)
								Nhận, cho	Đã mua				
26			CREA 200		hộp		1			1	945,000	945,000	
27			GOT/AST 250		Hộp		1			1	1,050,000	1,050,000	
28			ALT/GPT 250		hộp		1			1	1,050,000	1,050,000	
29			GGT 110		hộp		1			1	1,470,000	1,470,000	
30			Que thử nước tiểu Mission 10 TS		Hộp		1			1	375,000	375,000	
31			Ông nghiệm EDTA K2 HTM 1 ml		Ông		200			200	1,260	252,000	
32			Ông nghiệm Heparin		Ông		200			200	1,260	252,000	
33			Ông nghiệm Citrat		Ông		200			200	1,260	252,000	
34			Ông nghiệm trắng không nắp không nhãn		Ông		500			500	800	400,000	
35			Ông dụng nước tiểu		Lọ		100			100	2,100	210,000	
36			Đầu col vàng		cái		1,000			1,000	1,260	1,260,000	
37			Đầu col XANH		cái		1,000			1,000	1,680	1,680,000	
38			Test Covid 19 Ag		Test		100		100	0	130,000	0	
2. DANH MỤC NHU CẦU THUỐC THIẾT YẾU													
1. TÂN DƯỢC													
1	3	3	Kaflovo	Levofloxacin	Viên	420	1000			1000	1,320	1,320,000	168,176,547
2	8	8	Adrenalin 1mg/1ml	Adrenalin	Ông	150	10			10	2,100	21,000	
3	9	9	BFS-Noradrenaline 1mg	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	Ông	110	10			10	28,000	280,000	
4	12	12	Fentanyl 0.1mg- Roxmedica	dạng fentanyl Roxmedica	Ông	110	5			5	12,600	63,000	
5	15	15	Kali Clorid 10%	Kali clorid	Ông	110	5			5	1,785	8,925	
6	17	17	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	hydrocarbonat Renaudin	Ông	110	10			10	22,000	220,000	
7	18	18	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	Ông	110	5			5	2,415	12,075	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung				
								Nhận, cho	Đã mua					
(1)			(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)		
8	19	19	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Chai	110	200			200	9,219	1,843,800		
9	20	20	Glucose 5%	Dextrose monohydrat (tương đương Dextrose anhydrous) 5%	Chai	110	5			5	8,690	43,450		
10	21	21	Glucose 10%	Glucose 10%	Chai	110	50			50	10,250	512,500		
11	22	22	RINGER LACTATE	Ringer lactat	Chai nhựa	110	50			50	8,106	405,300		
12	24	24	Gasterol	Hydrocortison	Lọ	90	300			300	6,000	1,800,000		
13	25	26	Medcelore Injection	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Lọ	90	1000			1000	27,500	27,500,000		
14	26	27	PARTAMOL TAB	Paracetamol 500	Viên nén	8110	1500			1500	480	720,000		
15	27	28	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	Viên	5400	2000			2000	1,900	3,800,000		
16			HERAPROSTOL	Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion)	Viên		100			100	3,438	343,800		
17			Nước Oxy già 10 thể tích (3%) 60 ML	Nước oxy già	chai		50			50	1,370	68,500		
18			Langitax 10	Rivaroxaban 10mg	Viên		1000			1000	32,000	32,000,000		
19			ASPIRIN 81	Acetylsalicylic acid	viên		100			100	73	7,300		
20			α - Chymotrypsin 5000	Alpha chymotrypsin	Lọ		10			10	4,284	42,840		
21			Cordarone 150mg/3ml	Amiodarone hydrochloride	Ống		5			5	30,048	150,240		

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng				Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
							Nhu cần	Đã có		Đề nghị mua bổ sung			
								Nhận, cho	Đã mua				
(1)			(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)
22			Aldan Tablets 10mg	Amlodipine amlodipine (amlodipine besylate) + Valsartan	Viên		200			200	870	174,000	
23			Exforge 5mg/80mg 2x14		Viên		100			100	9,987	998,700	
24			Clamnat 500mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói		1000			1000	8,799	8,799,000	
25			Atropin sulfat 0,25mg/1ml	Atropin sulfat	Ống		5			5	580	2,900	
26			Biosubtyl - II	Bacillus subtilis	Gói		200			200	378	75,600	
27			Lungastic 20	Bambuterol	Viên		100			100	1,890	189,000	
28			Berberin	Berberin (hydroclorid)	Viên		100			100	420	42,000	
29			Betaser 24mg	Betahistin dihydrochlorid.	Viên		200			200	5,962	1,192,400	
30			Bisoprolol 5mg Tab 4x25s	Bisoprolol fumarat	Viên		200			200	750	150,000	
31			Captopril	Captopril	Viên		300			300	105	31,500	
32			Ausmuco 750V	Carbocistein	Viên		500			500	2,499	1,249,500	
33			Cefoperazone ABR 1g powder for solution for injection	Cefoperazon 1g	Lọ		200			200	54,000	10,800,000	
34			Medoral 125 ml	Chlorhexidin	chai		20			20	52,500	1,050,000	
35			Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên		1000			1000	890	890,000	
36			CLARIVIDI 500	Clarithromycin	Viên		1000			1000	2,100	2,100,000	
37			Terpin Codein 5	Codein + terpin hydrat	Viên		500			500	222	111,000	
38			Colchicine Galien - 1 mg	Colchicin	Viên		100			100	882	88,200	
39			Dimedrol 10mg/1ml	Diphenhydramin	Ống		10			10	600	6,000	
40			MANNITOL	D-Mannitol	Chai		5			5	18,375	91,875	
41			Dobutamin -BFS	Dobutamin	Ống		2			2	55,000	110,000	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng				Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Chi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)=(5)-(6)-(7)	(9)		(10)=(9)*(8)	(11)	
42			Domreme	Domperidon	Viên		200			200	1,000	200,000	
43			Dopamine hydrochloride 4% 10 vials/ box	Dopamin (hydroclorid)	ống		4			4	19,950	79,800	
44			No-Spa 40mg/2ml	Propranolol	Ống		20			20	5,306	106,120	
45			Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	Bom tiêm		100			100	70,000	7,000,000	
46			Ephedrine Aguetant 30mg/ml	Ephedrin (hydroclorid)	Ống		3			3	57,000	171,000	
47			STADNEX 40 CAP	Esomeprazol	Viên		500			500	7,500	3,750,000	
48			A.T Esomeprazol 20 inj	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	Lọ		200			200	19,005	3,801,000	
49			AGIFUROS	Furosemid	Viên		100			100	97	9,700	
50			A.T Furosemide inj	Furosemid	Ống		50			50	735	36,750	
51			Gelofusine 500 ml	Gelatin succinyl+Natri clorid+Natri hydroxyd	Chai		2			2	116,000	232,000	
52			Comiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + metformin	Viên		200			200	2,499	499,800	
53			Glucose 30%	Glucose 30%	Chai nhựa PPKB		5			5	15,120	75,600	
54			Heparin	Heparin	Lọ		50			50	204,750	10,237,500	
55			IBUPROFEN STADA 600MG	Ibuprofen	Viên		500			500	2,500	1,250,000	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyet	Số lượng				Đơn giá dự kiến (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung			
								Nhận, cho	Đã mua				
(1)			(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)	
56			NovoMix 30 FlexPen	biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương người bình tổng hợp tính khối, gồm 2 phần insulin hòa tan và 8 phần insulin tổng hợp tính khối)	Bút tiêm		5			5	227,850	1,139,250	
57			Polhummin Mix-2	Insulin người tặc dùng nhanh, ngắn	Ống		2			2	152,000	304,000	
58			Scilin R	Insulin người tặc dùng nhanh, ngắn	Lọ		1			1	104,000	104,000	
59			Irbesartan 150 mg	Irbesartan	Viên		200			200	3,490	698,000	
60			Imidu 60 mg	Isosorbid-5- mononitrat	Viên		100			100	1,953	195,300	
61			Zinenutiti	Kẽm gluconat	Gói		1000			1000	2,600	2,600,000	
62			LIDOCALIN KABI 2%	Lidocain hydroclorid	Ống		50			50	378	18,900	
63			Fabalofen 60 DT	Loxoprofen	Viên		500			500	2,518	1,259,000	
64			Gelactive	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Gói		200			200	2,394	478,800	
65			Métformilax MR	Metformin HCl	Viên		200			200	1,200	240,000	
66			Thyperopa forte	Methyldopa	Viên		100			100	1,617	161,700	
67			m-Rednison 16	Methylprednisolon	Viên		1000			1000	1,700	1,700,000	
68			METOCLOPRAMID KABI 10MG	Metoclopramid hydroclorid	Ống		200			200	1,213	242,600	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyệt	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú	
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung					
								Nhận, cho	Đã mua						
(1)						(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)
69			Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Ông	100			100			100	4,575	457,500	
70			Humulin 30/70 Kwikpen	Insulin người (30% Insulin hòa tan và 70% Insulin	Bút tiêm	10			10			10	101,700	1,017,000	
71			BFS-Naloxone NATRI CLORID 0,9% 500ML	Naloxon	Ông	2			2			2	29,400	58,800	
72			Dksalt	Natri clorid	Chai nhựa	20			20			20	7,445	148,900	
73			Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	Nicardipin hydrochlorid	Chai/Túi/Lọ	100			100			100	23,900	2,390,000	
74			A.T Nitroglycerin inj	Nitroglycerin dạng trong Propylen	Ông	10			10			10	48,867	488,670	
75			Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	Ông	500			500			500	350	175,000	
76			Hapacol 250	Paracetamol 250	Gói	500			500			500	1,449	724,500	
77			Panalgan Effer 650	Paracetamol 650	Viên	1500			1500			1500	1,450	2,175,000	
78			Paracetamol 500	Paracetamol 500	Viên	1000			1000			1000	1,000	1,000,000	
79			Paracetamol Kabi 1000	Paracetamol 1g	Chai thủy	20			20			20	17,745	354,900	
80			Biragan 150	Paracetamol 150	Viên	50			50			50	1,638	81,900	
81			Biragan 300	Paracetamol 300	Viên	100			100			100	1,680	168,000	
82			Pethidine-hameln 50mg/ml	Pethidin HCl	Ông	3			3			3	17,850	53,550	
83			PHENOBARBITAL 0.1 H/100	Phenobarbital	viên	5			5			5	205	1,025	

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyệt	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung (8)=(5)-(6)-(7)				
								Nhận, cho	Đã mua					
	(1)				(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)	
85			Povidone	Povidon Iodin	Chai		5			5	23,982	119,910		
86			Kidpredni	Prednisolon	Viên		1000			1000	2,150	2,150,000		
87			GENSLER	Ramipril	Viên.		300			300	3,250	975,000		
88			Rotundin 30	Rotundin	Viên		300			300	337	101,100		
89			Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Bình xịt		5			5	76,379	381,895		
90			Ventolin Nebules 5mg/ 2.5ml 6x5's	Salbutamol sulphate trên nền xịt của.	Ổng		100			100	8,513	851,300		
91			Seretide Evohaler DC 25/250mcg 120d	Salmeterol (dưới dạng xinafoate micronised) 25mcg + Fluticason propionate (dạng micronised)	Bình xịt		50			50	278,090	13,904,500		
92			Verospiron	Spiroinolacton	viên		50			50	3,990	199,500		
93			Sulpirid 50mg	Sulpirid	Viên		200			200	126	25,200		
94			A.T Tobramycine inj	Tobramycin	Ổng		50			50	4,914	245,700		
95			Tranexamic acid 500mg/5ml	Tranexamic acid	Ổng		5			5	5,215	26,075		
96			DECOLIC	Trimebutin maleat	Gói		200			200	2,100	420,000		
97			Vina-AD	Vitamin A + Vitamin D	Viên		2000			2000	576	1,152,000		
98			SaVi 3B	Vitamin B1 + B6 + B12	Viên		1000			1000	1,495	1,495,000		
99			Neurixal	Vitamin B6 + magnesi lactat	Viên		300			300	1,848	554,400		
B.	CHẾ PHẨM Y HỌC CỎ TRUYỀN											22,733,300		

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyệt	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú		
							Nhu cầu	Đã có		Dự nghị mua bổ sung						
								Nhận, cho	Đã mua							
(1)							(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)
1			Dưỡng tâm an	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Viên	300				300		1,100	330,000			
2			Thập toàn đại bổ	trượt, Đảng sâm, Quế nhục, Thực địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược, Xuyên khung; Thực địa; Bạch thược; Đảng sâm, Bạch linh; Bạch truật; Cam	Gói	500				500		2,750	1,375,000			
3			GONSA BÁT TRẦN	trượt, Đảng sâm, Quế nhục, Thực địa; Bạch thược; Đảng sâm, Bạch linh; Bạch truật; Cam	Gói	200				200		7,000	1,400,000			
4			A.T Lục vị	Son, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Bạch linh, Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ, O uan, Dị tiện, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, mắ	Ông	200				200		3,575	715,000			
5			Siro Bỏ tỷ P/H		Chai	200				200		28,000	5,600,000			
6			Cồn xoa bóp Janda		Chai	50				50		18,000	900,000			

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyệt	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung				
								Nhận, cho	Đã mua					
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)		
7			Dầu nóng mặt trời	Camphor, Tinh dầu Bạc hà, Tinh dầu Quế, Methyl salicylat, Gừng, Truật hương, Tía tô, Bạch chi, Bạch linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ bắc (chế), Cát cánh,	Chai		50			50	33,306	1,665,300		
8			Cảm mạo Thông		Viên		500			500	1,800	900,000		
9			VIÊN CẢM CÚM-BVP		Viên		500			500	995	497,500		
10			Thuốc ho K/H		Chai		100			100	20,200	2,020,000		
11			Thuốc ho trẻ em OPC		Chai		50			50	25,410	1,270,500		

STT	TT theo phụ lục 5, KH277	TT theo phụ lục 6, KH277	Tên trang thiết bị; vật tư tiêu hao, thuốc	Hoạt chất	ĐVT	Tổng được duyệt	Số lượng					Đơn giá dự kiến (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
							Nhu cầu	Đã có		Đề nghị mua bổ sung				
								Nhận, cho	Đã mua					
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)	(10)=(9)*(8)	(11)		
12			HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO TP	Đinh lăng; Bạch quả Lichinieu, KMM	Gói		500			500	3,200	1,600,000		
13			XOANGSPRAY	ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol,	Chai		100			100	35,000	3,500,000		
14			KHANG MINH TỶ VIÊM NANG	Tân di hoa; Thăng ma; Xuyên khung; Bạch chi; Cam thảo	viên		500			500	1,920	960,000		
			Tổng cộng									261,384,972		

NGƯỜI LẬP BẢNG

[Signature]

DS: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Phước Long, ngày tháng năm 2021

GIÁM ĐỐC



BSCK II
Lê Thanh Long